

Bản án số: 01/2024/HNGĐ – ST

Ngày 15- 01- 2024

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tình

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST – HNGĐ ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phan Thị Kim Ph**, sinh năm 1992 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số 8, Liền kề 5, KĐT Đ, xã T, huyện Th, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Quang Tr**, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện P, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự thì vụ án có nội dung như sau:

Chị Phan Thị Kim Ph và anh Nguyễn Quang Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P vào ngày 19/11/2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung tại xã L, huyện P. Từ năm 2018, do công việc đi làm xa nên vợ chồng anh chị xin phép gia đình để chuyển về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ của chị Ph ở xã T, huyện Th.

Từ năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Ph khai là do nhiều năm nay, anh Tr thờ ơ, không quan tâm đến vợ con, không cùng vợ chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái. Tình trạng này kéo dài, năm 2022, chị đã từng làm đơn ly hôn nhưng sau do gia đình khuyên bảo, chị không nộp đơn mà tạo điều kiện cho anh Tr suy nghĩ lại và thay đổi, nhưng anh Tr vẫn không thay đổi gì. Do vậy, chị nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Theo anh Tr khai thì từ năm 2018, 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Sau đó, khi có dịch Covid19, anh vay mượn, đầu tư làm ăn vào một số sản phẩm phục vụ phòng chống dịch. Anh làm là chính, chị Ph có biết nhưng không tham gia. Do việc làm ăn bị thua lỗ, anh nợ nần nhiều, thỉnh thoảng có người đến nhà bố mẹ vợ đòi nợ nên năm 2021, anh chuyển đến cơ quan sinh sống. Vợ con anh vẫn ở nhà bố mẹ vợ anh.

Khi anh nợ nần, nhiều người đến đòi nợ thì vợ anh phản đối, gia đình bố mẹ vợ cũng phản ứng. Chính vì vậy vợ chồng mâu thuẫn. Trong thời gian anh sống ở cơ quan thì thỉnh thoảng anh vẫn về, vợ chồng vẫn bình thường. Chỉ từ năm 2022, do anh bị đơn thư đến cơ quan, cơ quan điều tra và nhiều nơi khác, báo chí đưa tin v.v... nên hai vợ chồng thống nhất là vợ chồng cùng ký đơn ly hôn, nếu anh có vấn đề gì thì chị Ph sẽ nộp đơn ly hôn, nếu không có vấn đề gì thì thôi. Sau đó anh đã giải quyết được một phần nợ nần nên anh không bị ảnh hưởng gì và chị Ph cũng không nộp đơn ly hôn đến Tòa án.

Đến lần này, trước khi chị Ph nộp đơn ly hôn, vợ chồng có nói chuyện với nhau qua điện thoại, anh bày tỏ quan điểm không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ cho anh thời gian 01 năm nữa để anh giải quyết tất cả nợ nần nhưng chị Ph không nghe và hẹn gặp nhau tại Tòa án.

Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn có thể hòa hợp, vẫn có thể chung sống được vì vấn đề nợ của anh sẽ dần dần được giải quyết xong. Do đó, chị Ph xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 09/8/2016.

Chị Ph yêu cầu được nuôi cháu T, có yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con theo mức 4.000.000đ/tháng. Hiện chị Ph đang công tác tại Trung đoàn không quân Công an nhân dân trực thuộc Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động, thu nhập trung bình 17.000.000đ/tháng.

Anh Tr cũng xin được nuôi con và không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh là Công an, công tác tại Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động, Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ 1. Lương, thu nhập trung bình của anh một tháng là khoảng 13.000.000đ. Về chỗ ở thì tại xã L, anh sống cùng bố mẹ anh tại đất nhà của bố mẹ anh. Hiện chỉ có anh và bố mẹ đang sinh sống tại thửa đất ở quê rộng khoảng 500m², có nhà cửa rộng rãi khang trang, đủ điều kiện để anh nuôi con. Anh muốn nuôi

cháu T vì anh nghĩ sau khi ly hôn, chị Ph còn trẻ, còn đi lấy chồng khác nên anh nuôi con là tốt nhất.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Chị Ph không yêu cầu giải quyết. Còn anh Tr, ban đầu anh trình bày vợ chồng sẽ tự giải quyết về tài sản, công nợ nhưng sau đó, tại phiên hòa giải ngày 07/11/2023, anh Tr đề nghị chia tài sản, công nợ theo quy định của pháp luật đối với tài sản chung là 01 xe ô tô bán tải Ford Ranger (hiện nay anh không rõ trị giá bao nhiêu), chiếc xe này vợ chồng anh mua trả góp nên còn nợ ngân hàng hơn 400.000.000đ. Vấn đề này anh sẽ làm đơn và nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án sau.

Tuy nhiên, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh Tr làm thủ tục yêu cầu chia tài sản, làm đơn, nộp tạm ứng án phí, nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con và chứng minh về tài sản, công nợ nhưng đã hết thời hạn yêu cầu mà anh Tr vẫn không thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Quang T trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Ông Phan Văn Ph1 là bố đẻ của chị Ph trình bày: Năm 2015, chị Ph kết hôn cùng anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1990 là người dân ở tại xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị Ph về chung sống cùng gia đình anh Tr, sinh con đầu lòng là cháu Nguyễn Quang T vào năm 2016. Đến năm 2019, do hai vợ chồng anh Tr, chị Ph sống ở nhà chồng thì đi làm xa nên vợ chồng anh chị có xin phép gia đình ông xuống sống tại gia đình ông ở KĐT Đ, xã T, huyện Th, Thành phố Hà Nội cho tiện đi làm. Gia đình ông đồng ý nên vợ chồng, con cái anh Tr, chị Ph đã chuyển xuống sống tại gia đình ông. Anh Tr và chị Ph chung sống bình thường với nhau, sáng đi làm tối về nhà trừ những hôm trực. Nhưng từ đầu năm 2021 đến đầu năm 2022, anh Tr bắt đầu có những biểu hiện không quan tâm đến gia đình, vợ con, đi làm không về nhà, nhiều hôm mới về nhà một lần. Vợ ông có hỏi anh Tr về tình hình vợ chồng thế nào, tại sao anh Tr đi suốt không về thì anh Tr bảo là đi kiếm tiền. Chị Ph cũng không chia sẻ gì về quan hệ vợ chồng. Anh Tr làm công việc chính là cảnh sát cơ động, công tác tại Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ 1 trực thuộc Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động. Ngoài ra, anh Tr còn đầu tư làm ăn ở bên ngoài (làm công việc gì thì ông không rõ) nhưng bị thua lỗ, nhiều người đến nhà ông đòi nợ. Từ khoảng gần 2 năm nay, anh Tr không về sống tại nhà ông nữa, thi thoảng về đứng ngoài cửa gọi cháu T đi chơi chứ cũng không vào nhà. Còn mẹ con chị Ph vẫn ở tại gia đình ông, vợ chồng chị Ph sống ly thân gần 2 năm nay. Bố mẹ anh Tr có xuống nhà gặp vợ chồng ông để nói chuyện và nói sẽ về bảo ban anh Tr nhưng tình hình không thay đổi. Nay chị Ph xin ly hôn, gia đình ông hoàn toàn nhất trí ủng hộ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Ph giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Tr, xin được nuôi cháu T và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ.

Anh Tr có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Nếu chị Ph cương quyết xin

ly hôn thì anh xin được nuôi cháu T, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời anh có yêu cầu giải quyết tài sản chung, công nợ chung theo quy định của pháp luật.

*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ph: Xử cho chị Ph được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 09/8/2016 cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Tr phải cấp dưỡng nuôi cháu T cho chị Ph theo mức 4.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Về nợ: Do anh Tr chưa làm các thủ tục yêu cầu chia tài sản, nộp đơn, nộp tạm ứng án phí và các tài liệu chứng cứ chứng minh nên tách yêu cầu này, giành quyền khởi kiện cho anh Tr được quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH, Chị Ph phải chịu án phí ly hôn, anh Tr phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thị Kim Ph là nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Quang Tr trú tại xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn theo đơn của chị Ph là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Quang Tr là bị đơn đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Kim Ph và anh Nguyễn Quang Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội vào ngày 19/11/2015. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo chị Ph là do nhiều năm nay anh Tr thờ ơ, không quan T đến vợ con, không cùng vợ chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái. Theo anh Tr thì vợ chồng có mâu thuẫn vào năm 2018, 2019 nhưng ban đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Sau đó, do anh đầu tư làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên năm 2021, anh chuyển đến sống tại cơ quan nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà, vợ chồng vẫn bình thường. Anh thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, vẫn có thể hàn gắn được nên anh không đồng ý ly hôn, anh muốn chị Ph cho anh thêm thời gian một năm nữa để anh giải quyết hết nợ nần. Nếu chị Ph kiên quyết ly hôn thì anh phải chấp nhận nhưng anh phải được nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Ph, anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị Ph được ly hôn với anh Tr là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Ph và anh Tr có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 09/8/2016. Xét thấy cả chị Ph và anh Tr đều có nguyện vọng được nuôi con nhưng HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết tại Tòa án, cháu T trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Mặt khác, cháu T ở với chị Ph từ nhỏ đến nay, cháu đang được sống và học tập trong môi trường ổn định, được nhà trường xác nhận cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Về phía anh Tr, anh xác nhận bản thân đang lâm vào tình trạng nợ nần chưa giải quyết được.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ph, giao cháu T cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ph yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi cháu T theo mức 4.000.000đ/tháng. Xét thấy, anh Tr khai thu nhập trung bình của anh là 13.000.000đ/tháng, song anh Tr đang lâm vào tình trạng nợ nần nên cần buộc anh Tr cấp dưỡng nuôi cháu T theo mức 3.000.000đ/tháng.

[2.3]. Về tài sản, công nợ: Ban đầu anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, sau đó, tại phiên hòa giải ngày 07/11/2023, anh Tr lại có yêu cầu giải quyết tài sản công nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản chung là 01 xe ô tô bán tải Ford Ranger trị giá hiện nay anh không rõ, chiếc xe này vợ chồng anh mua trả góp nên còn nợ ngân hàng hơn 400.000.000đ. Vấn đề này anh sẽ làm đơn và nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án sau.

Tuy nhiên, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh Tr làm thủ tục yêu cầu chia tài sản như làm đơn, nộp tạm ứng án phí, nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con và chứng minh về tài sản, công nợ nhưng đã hết thời hạn yêu cầu mà anh Tr vẫn không thực hiện. Đến khi mở phiên tòa, anh Tr vẫn không xuất trình được các tài

liệu chứng cứ chứng minh về tài sản công nợ, chưa thực hiện các thủ tục yêu cầu chia tài sản nên HĐXX tách ra, không xem xét trong vụ án này mà giành quyền cho anh Tr được quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị Kim Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Quang Tr phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim Ph: Chị Phan Thị Kim Ph được ly hôn với anh Nguyễn Quang Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 09/8/2016 cho chị Phan Thị Kim Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; Về nợ: Không giải quyết. Giành quyền cho anh Tr được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung để được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Kim Ph phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án tại biên lai thu số: 0013008 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Anh Tr phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Phan Thị Kim Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Quang Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã L (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA